

Ghi chú Bài giảng 5

Bài giảng về Khung phân tích kinh tế vĩ mô

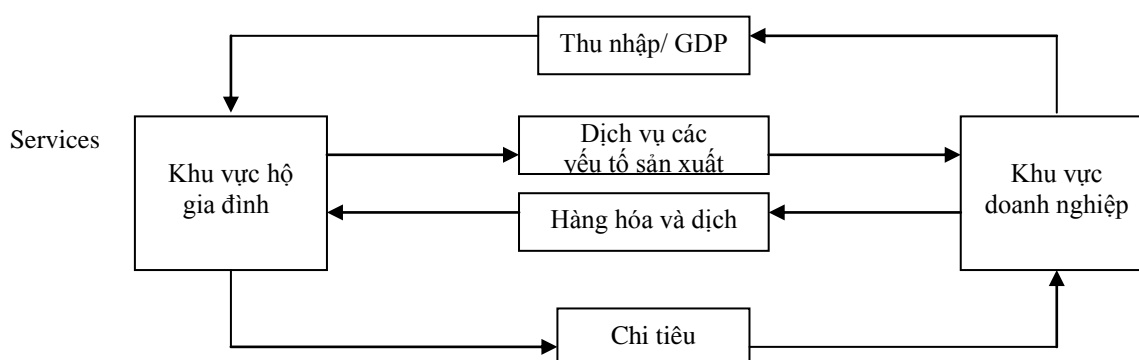
1. Dẫn nhập

- Khung phân tích trình bày ở đây là bộ cục của một mô hình kinh tế vĩ mô. Trong phân tích kinh tế, ta cần phải có các mô hình, vì các yếu tố chi tiết của nền kinh tế trong đời sống thực tế thường làm che khuất những áp lực cơ bản giúp xác định kết quả kinh tế. Cũng hệt như một bản đồ chỉ đường, mô hình kinh tế chỉ bổ ích bởi tính đơn giản hóa của nó. Mô hình lý tưởng là mô hình chỉ vừa đủ phức tạp để nắm bắt những mối quan hệ giúp ta xác định các kết quả kinh tế, ngoài ra không còn gì phức tạp hơn thế.
- Trong bài giảng này, khung phân tích về một nền kinh tế vĩ mô mở cửa sẽ được triển khai dần dần từng bước một, bắt đầu bằng mô hình đơn giản nhất khả dĩ rồi sau đó sẽ giới thiệu lần lượt từng yếu tố phức tạp của thế giới thực tế.

2. Mô hình Robinson Crusoe

- Trọng tâm xem xét trong kinh tế học vĩ mô là nền kinh tế trên bình diện tổng thể, nhưng chúng ta cũng cần có sự phân chia thành phần nhất định. Ta hãy xem thử một nền kinh tế được chia thành hai khu vực: (1) Khu vực doanh nghiệp, nơi sản xuất hàng hóa và dịch vụ (GDP) thông qua sử dụng các yếu tố đầu vào như đất đai (T), lao động, (L) và vốn (K), và (2) khu vực hộ gia đình, nơi sở hữu và được hưởng thu nhập nhờ bán dịch vụ yếu tố sản xuất. Khu vực hộ gia đình chi tiêu toàn bộ thu nhập của họ cho những hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra trong khu vực doanh nghiệp.
- Ta minh họa nền kinh tế này bằng hai vòng lưu chuyển đồng tâm trong biểu đồ sau đây: vòng lưu chuyển bên trong thể hiện sự trao đổi các yếu tố đầu vào thực, và vòng lưu chuyển bên ngoài minh họa sự trao đổi tài chính, dòng thu nhập và chi tiêu dùng (C).

Khung phân tích vĩ mô về nền kinh tế Robinson Crusoe



- Mô hình này được gọi là mô hình “Robinson Crusoe” vì thực chất các hộ gia đình sinh sống theo kiểu ‘tay làm hàm nhai’ (nghĩa là không có tiết kiệm, không có đầu tư), không có chính

phủ (cho nên không có đánh thuế thu nhập của hộ gia đình và cũng không có chi tiêu của chính phủ) và đất nước tồn tại như một hòn đảo biệt lập (không có quan hệ kinh tế với thế giới bên ngoài). Điểm chính yếu về mô hình này là nó không có các vấn đề kinh tế vĩ mô. Hệt như một hệ thống thủy lực khép kín, nó luôn luôn ở trạng thái cân bằng. Theo định nghĩa, tổng sản lượng (GDP) bằng tổng thu nhập, mà trong mô hình này cũng đồng nhất với tổng chi tiêu. Tổng cung bằng tổng cầu một cách tự động. Như vậy, mô hình này ám chỉ “Quy luật của Say”— cung tạo ra cầu của chính nó.

3. Nền kinh tế đóng hiện đại

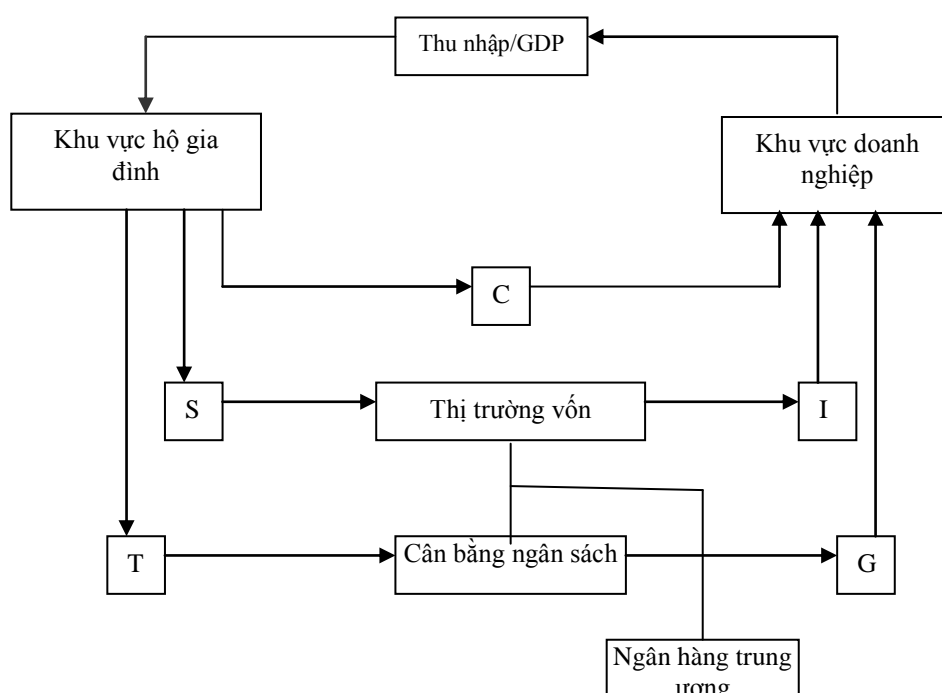
- Trong các nền kinh tế hiện đại, các hộ gia đình không tiêu dùng toàn bộ thu nhập của mình trong hiện tại, mà thay vì thế, họ tiết kiệm (trì hoãn tiêu dùng) để dành cho tương lai. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng không ở trạng thái tĩnh tại, mà họ liên tục đầu tư để duy trì và mở mang năng lực sản xuất. Hơn nữa, trong nền kinh tế hiện đại, chính phủ đóng vai trò to lớn, nhận thu nhập từ các hộ gia đình thông qua thuế khóa và mua hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra trong khu vực doanh nghiệp.
- Những điểm phức tạp này được minh họa trong biểu đồ sau. Chú thích: S là tiết kiệm tư nhân chảy vào thị trường vốn, I là đầu tư tư nhân được tài trợ bằng cách vay mượn trên thị trường vốn tư nhân, T là số thu thuế của chính phủ và G là chi tiêu của chính phủ. Khi ngân sách chính phủ không cân bằng, $(T - G) \neq 0$, chính phủ phải vay hay cho vay trên thị trường vốn tư nhân. Ngoài ra, ngân hàng trung ương trong một nền kinh tế hiện đại tác động đến thị trường vốn bằng cách thay đổi trữ lượng tiền, một loại tài sản tài chính trên thị trường vốn.
- Những điểm phức tạp này làm cho mô hình trở nên thú vị hơn trong phân tích kinh tế vĩ mô, vì trạng thái cân bằng vĩ mô không còn đảm bảo nữa. Trạng thái cân bằng vĩ mô, ở đó tổng cung bằng tổng cầu, chỉ đạt được khi *các khoản trích ra* từ dòng thu nhập (S và T) bằng với *các khoản bơm vào* dòng thu nhập (I và G). Trên phương diện đại số, điều này được thể hiện qua hai đồng nhất thức: đồng nhất thức thứ nhất là cân bằng giữa GDP với tổng chi tiêu của các hộ gia đình (C), các doanh nghiệp (I) và chính phủ (G); đồng nhất thức thứ hai là cân bằng giữa GDP với tổng thu nhập, bao gồm tiêu dùng (C), tiết kiệm (S) và thuế (T):

$$(1) \text{ GDP} = C + I + G$$

$$(2) \text{ GDP} = C + S + T$$

$$(3) S - I + T - G = 0 \quad \text{hay} \quad S + T = I + G \quad \text{hay} \quad S - I = T - G$$

Khung phân tích vĩ mô về nền kinh tế đóng hiện đại



- Trạng thái cân bằng này được thiết lập và được duy trì như thế nào? Đó là câu hỏi mà lý thuyết kinh tế cố gắng giải thích. Trước khi giải thích điều này, ta cần trình bày một điểm phức tạp khác, sự mở cửa đối với nền kinh tế thế giới.

4. Khung phân tích về một nền kinh tế vĩ mô mở cửa

- Mở cửa kinh tế mang lại vài điểm phức tạp hơn trong khung phân tích: Thứ nhất, không còn có sự đồng nhất giữa GDP (giá trị hàng hóa và dịch vụ sản xuất trong nước) và thu nhập mà đất nước nhận được khi bán các dịch vụ yếu tố sản xuất (GNP). Các hộ gia đình có thể nhận thu nhập từ nước ngoài, nếu trong quá khứ họ đã đầu tư ra nước ngoài (nghĩa là, nếu họ bán dịch vụ vốn của họ cho các doanh nghiệp nước ngoài). Thêm vào đó, khu vực doanh nghiệp có thể mua dịch vụ vốn từ khu vực nước ngoài. Sự chênh lệch giữa GDP và GNP là thu nhập lãi của dân cư trong nước từ tài sản nước ngoài ròng (iNFA), NFA là chênh lệch ròng giữa giá trị tài sản nước ngoài mà dân chúng nắm giữ (FA) và nghĩa vụ nợ nước ngoài (FL), có thể có giá trị dương hay âm.

$$(4) \quad \text{GNP} = \text{GDP} + \text{iNFA} \quad \text{trong đó} \quad \text{NFA} = \text{FA} - \text{FL}$$

- Mở cửa cũng mang lại cho các hộ gia đình cơ hội chi tiêu thu nhập của họ cho các hàng hóa và dịch vụ nước ngoài (nhập khẩu M) cùng với hàng hóa và dịch vụ nội địa. Mở cửa cũng mang lại thêm một nguồn cầu khác đối với GDP, cầu nước ngoài (xuất khẩu X). Nhập khẩu tạo thành một nguồn trích ra từ dòng thu nhập, trong khi đó, nhập khẩu tạo thành một nguồn bơm vào dòng thu nhập.

- Như vậy, đồng nhất thức hạch toán thu nhập quốc gia và điều kiện đạt cân bằng kinh tế vĩ mô đối với một nền kinh tế mở là:

$$(5) \text{ GDP} = C + I + G + X - M$$

$$(6) \text{ GNP} = C + S + T$$

$$(7) S - I + T - G + M - X - i\text{NFA} = 0 \quad \text{hay } S + T + M = I + G + X + i\text{NFA}$$

Chú thích: Trong đồng nhất thức (5), nhập khẩu (M) được trừ ra, bởi vì C, I, và G, như được đo lường trên thực tế, đã bao gồm cả chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu cũng như sản xuất trong nước (GDP).

- Mở cửa mang lại cho các hộ gia đình cơ hội đưa tiền tiết kiệm của họ ra thị trường vốn nước ngoài cũng như thị trường vốn nội địa. Tương tự, khu vực doanh nghiệp có thể huy động vốn đầu tư trên thị trường vốn nội địa cũng như nước ngoài. Cũng vì lẽ đó, trong một năm bất kỳ, trữ lượng tài sản và nghĩa vụ nợ nước ngoài nắm giữ bởi dân cư trong nước có thể thay đổi. Sự thay đổi tài sản nước ngoài ròng ($\Delta\text{NFA} = \Delta\text{FA} - \Delta\text{FL}$) sẽ biểu thị dòng tiết kiệm ròng chảy ra khu vực nước ngoài (hay dòng tiết kiệm ròng chảy vào từ nước ngoài nếu $\Delta\text{NFA} < 0$).
- Tài sản nước ngoài chẳng những được nắm giữ bởi khu vực tư nhân mà cả trong ngân hàng trung ương. Khi được nắm giữ bởi ngân hàng trung ương, tài sản nước ngoài này được gọi là “tài sản dự trữ chính thức” hay gọi đơn giản là “dự trữ” (R). Dự trữ đóng vai trò then chốt trong kinh tế học vĩ mô về nền kinh tế mở vì nó tạo thành một cấu phần của cơ sở tiền. Khi dự trữ tăng và giảm, nếu những yếu tố khác không đổi, cung tiền sẽ tăng và giảm theo, điều này tiếp đến sẽ có tác động quan trọng trên thị trường tài chính và đối với hoạt động kinh tế vĩ mô.

Mối liên kết giữa dự trữ chính thức của ngân hàng trung ương và cung tiền được minh họa trong phiên bản cách điệu sau đây về một hệ thống tài chính hiện đại.

Ngân hàng trung ương		Các ngân hàng thương mại		Các hộ gia đình và doanh nghiệp	
Tài sản	Nghĩa vụ nợ	Tài sản	Nghĩa vụ nợ	Tài sản	Nghĩa vụ nợ
Dự trữ (R)	Tiền trong lưu thông (CC)	Cho vay	Tiền gửi	Tiền gửi	Cho vay
Sản quyền đối với chính phủ, hay tín dụng nội địa (D)	Dự trữ bắt buộc của ngân hàng thương mại (RR)	RR	Vốn sở hữu	CC	Nợ khác
				Tài sản khác	

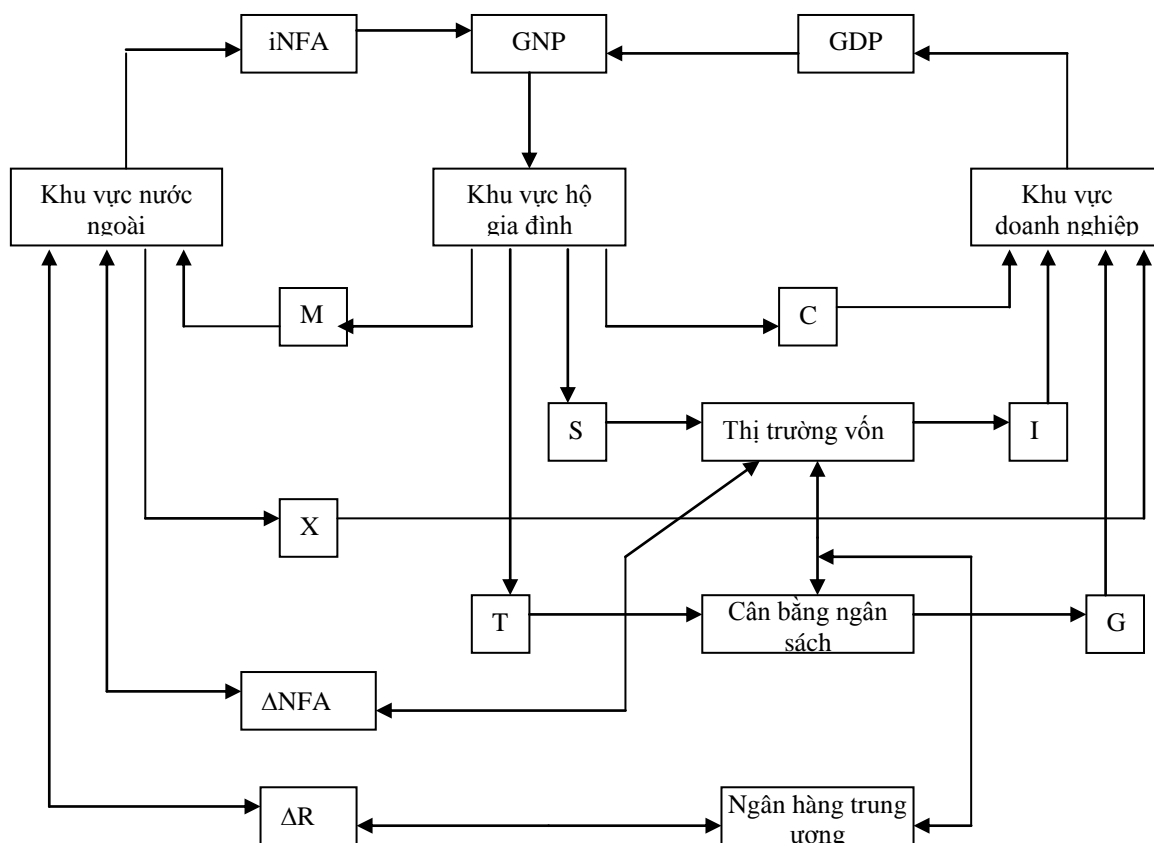
- Một định nghĩa (hẹp) về cung tiền (M^S) là tổng tiền trong lưu thông (CC) và tiền gửi trong hệ thống ngân hàng. Một phần nhỏ tiền gửi ($rr = \text{RR}/\text{tiền gửi}$, là tỷ lệ dự trữ bắt buộc) sẽ được nắm giữ tại ngân hàng trung ương. Do đó, tài sản của ngân hàng trung ương ($R + D$) tạo thành cơ sở của cung tiền, và còn được gọi là “tiền cơ sở,” “tiền mạnh,” hay “tiền dự trữ.”

$$M^S = CC + \text{Deposits} = CC + \frac{RR}{rr} = h(CC + RR) = h(R + D)$$

Trong đó M^S là cung tiền, CC là tiền trong lưu thông (currency in circulation), Deposits là tiền gửi, RR là dự trữ bắt buộc, rr là tỷ lệ dự trữ bắt buộc, h là tỷ lệ của cung tiền trên tiền cơ sở, nó phụ thuộc vào tỷ trọng của tiền trong cung tiền và tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

- Những điểm phức tạp này được đưa vào khung phân tích vĩ mô về nền kinh tế mở hiện đại như sau:

Khung phân tích vĩ mô về nền kinh tế mở



5. Lý thuyết hóa về trạng thái cân bằng kinh tế vĩ mô và sự điều chỉnh

- Mục đích chính của lý thuyết kinh tế là nhằm giải thích xem các thị trường đạt được trạng thái cân bằng như thế nào và điều chỉnh ra sao trước những thay đổi liên tục làm phá vỡ trạng thái cân bằng. Việc lý thuyết hóa gần như luôn luôn được tiến hành như sau:

Bước 1: Phát biểu điều kiện đạt được trạng thái cân bằng. Nói chung, điều này chẳng qua chỉ là phát biểu *một cách tiên liệu (ex ante)* rằng cung bằng cầu. Dĩ nhiên, theo định nghĩa thì cung luôn luôn bằng cầu, *về mặt hậu suy (ex post)*. Bất luận thứ gì được cung ứng ắt phải có nhu cầu, *về mặt hậu suy*, chứ nếu không thì người ta đâu có cung ứng làm gì. Tuy nhiên, trạng thái cân bằng đòi hỏi rằng cung phải bằng cầu *một cách tiên liệu*, trước khi thực tế xảy ra. Nghĩa là, mức cung *mong muốn* phải bằng mức cầu *mong muốn*. Chỉ khi điều kiện này được thỏa thì thị trường mới đạt được trạng thái cân bằng.

Bước 2: Lý thuyết hóa về hành vi của cung và cầu. Ở đây, nhà lý thuyết sẽ đặt ra giả định về những yếu tố gì xác định cung và cầu. Ví dụ, người ta thường giả định rằng cung một hàng hóa (S) phụ thuộc đồng biến với giá của hàng hóa đó (P), nghịch biến với biến phí sản xuất (W), đồng biến với công suất của ngành (K) và các yếu tố quyết định khác. Mặt khác, cầu (D) thường được giả định là phụ thuộc nghịch biến với giá (P), đồng biến với mức thu nhập của người tiêu dùng (Y), nghịch biến với thuế (t) v.v... Ký hiệu tiêu chuẩn để trình bày lý thuyết cung và cầu này bằng toán đại số là:

$$(9) \quad S = S(\underset{+}{P}, \underset{-}{W}, \underset{+}{K}, \dots) \quad \text{and} \quad (10) \quad D = D(\underset{-}{P}, \underset{+}{Y}, \underset{-}{t}, \dots)$$

Bước 3: Phát biểu xem những biến nào là biến nội sinh và những biến nào là biến ngoại sinh. Trong một nền kinh tế thị trường tự do, người ta thường giả định rằng giá, lượng cung và lượng cầu là các biến nội sinh, còn các yếu tố quyết định khác được xem là biến ngoại sinh, nghĩa là được xác định bên ngoài thị trường.

Bước 4: Giải mô hình để tìm các biến nội sinh (giá và lượng) theo các giá trị đã cho của các biến ngoại sinh. Ví dụ, cho phương trình (9) bằng phương trình (10), điều kiện để đạt trạng thái cân bằng, ta giải ra tìm P như một hàm số theo các biến ngoại sinh (W, K, Y, t, ...)

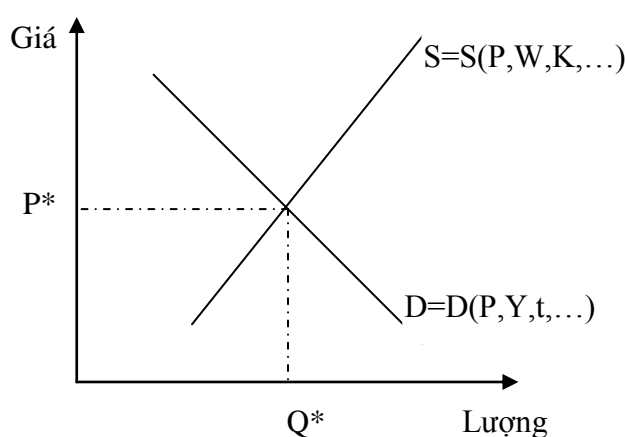
$$(11) \quad P = P(\underset{+}{W}, \underset{-}{K}, \underset{+}{Y}, \underset{-}{t}, \dots)$$

Sau đó, thay (11) vào (9) và (10), ta được:

$$(12) \quad S = D = Q(\underset{-}{W}, \underset{+}{K}, \underset{+}{Y}, \underset{-}{t}, \dots)$$

Chú thích: Sự thay đổi của các biến ngoại sinh về phía cung (W và K) dẫn đến sự thay đổi giá và lượng theo chiều ngược nhau, trong khi sự thay đổi các biến ngoại sinh về phía cầu (Y và t) dẫn đến sự thay đổi giá và lượng theo cùng chiều.

- Người ta thường minh họa sự xác định cung và cầu bằng đồ thị. Trong biểu đồ sau, P và Q mà thỏa điều kiện cung bằng cầu ($S = D$) sẽ được xác định ứng với các giá trị cho trước của các biến ngoại sinh. Khi các biến ngoại sinh thay đổi, các đường S và D dịch chuyển, và giá và lượng cân bằng cũng thay đổi.



- Tuy nhiên, phân tích kinh tế vĩ mô tuân theo qui trình bốn bước này, như khung phân tích kinh tế vĩ mô cho thấy, cũng cần phải xem xét đồng thời một vài thị trường có quan hệ lẫn nhau:
 - (i) Thị trường hàng hóa và dịch vụ (GDP). Điều kiện cân bằng (cung bằng cầu) được viết là: $GDP = C + I + G + X - M$. Nói chung, GDP hoặc được giả định là cố định ở trạng thái toàn dụng lao động, hoặc được xác định bằng tổng cầu ($C + I + G + X - M$). Trọng tâm của kinh tế học vĩ mô là lý thuyết hóa về các yếu tố quyết định các thành phần của tổng cầu. Đó cũng là trọng tâm của cuộc tranh luận lớn giữa các nhà kinh tế học theo trường phái Keynes và các nhà kinh tế học Tân cổ điển. Họ cũng bất đồng về việc các biến số nào là ngoại sinh và nội sinh; trường phái Keynes ít chú trọng vào sự điều chỉnh giá (nội sinh giá) hơn so với các nhà kinh tế học Tân cổ điển.
 - (ii) Thị trường ngoại hối: Mọi giao dịch giữa dân cư trong nước và khu vực nước ngoài diễn ra trên thị trường ngoại hối. Một số giao dịch (nhận thu nhập từ nước ngoài, xuất khẩu, vay mượn) tạo ra cung ngoại hối, các giao dịch khác (thanh toán thu nhập nước ngoài, nhập khẩu, cho vay) tạo ra cầu ngoại hối. Điều kiện cân bằng (cung bằng cầu) là $X - M + iNFA - \Delta NFA - \Delta R = 0$. Điều kiện này được thỏa *hậu suy* như một đồng nhất thức hạch toán cân thanh toán, nhưng để cân bằng, nó phải được thỏa *một cách tiên liệu*. Lý thuyết về thị trường ngoại hối đặt ra giả định về các yếu tố quyết định từng cấu phần của cán cân thanh toán. Việc biến số nào được xem là biến nội sinh và biến số nào được xem là biến ngoại sinh chủ yếu phụ thuộc vào cơ chế tỷ giá (tức là, cơ chế tỷ giá thả nổi trên thị trường hay cơ chế cố định theo một tỷ giá do ngân hàng trung ương ấn định).
 - (iii) Thị trường tài sản tài chính nội địa: Vì trạng thái cân bằng trên cả hai thị trường hàng hóa và dịch vụ, và thị trường ngoại hối đều phụ thuộc vào lãi suất trong nước, nên ta cần xem xét thị trường tài sản tài chính nội địa, mà vì mục đích lý thuyết, ta đơn giản hóa thành thị trường tiền tệ và thị trường trái phiếu. Một lần nữa, qui trình cũng bao gồm bốn bước như trên. Phát biểu điều kiện đạt trạng thái cân bằng, lý thuyết hóa về các yếu tố quyết định cung và cầu, xác định các biến nội sinh và ngoại sinh, và giải mô hình.

6. Hai khái niệm then chốt

- Tiên liệu so với Hậu suy. Cung luôn luôn bằng cầu *trên phương diện hậu suy*, vì theo định nghĩa, bất kỳ thứ gì bán ra trên thị trường suy cho cùng rồi cũng sẽ được mua. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là thị trường luôn luôn đạt trạng thái cân bằng. Ví dụ, khi một doanh nghiệp không thể bán hết những gì họ sản xuất ra, họ phải đưa lượng sản xuất dư vào hàng tồn kho, thực chất là họ mua sản phẩm của chính mình. *Trên phương diện hậu suy*, mọi thứ sản xuất ra đều được bán (bao gồm hàng tồn kho lũy kế), nhưng doanh nghiệp sẽ không vui. Khi nhà nước ấn định giá dẫn đến tình trạng phân bổ định mức hàng hóa (người muốn mua nhiều hơn người muốn bán), cung *hậu suy* bằng với cầu, nhưng những người không được phân bổ định mức hàng hóa sẽ không vui, nghĩa là cung *tiên liệu* sẽ không bằng với cầu.
- Điều kiện cân bằng so với đồng nhất thức hạch toán. Tương tự như tiên liệu so với hậu suy là sự phân biệt giữa điều kiện cân bằng và đồng nhất thức hạch toán. Các tài khoản thu nhập quốc gia, cán cân thanh toán và bảng cân đối kế toán của ngân hàng trung ương là các báo cáo hậu suy về giá trị cung và cầu bằng bao nhiêu. Theo định nghĩa, cung sẽ tương ứng với cầu, GDP bằng $C + I + G + X - M$, bên có bằng bên nợ trong cán cân thanh toán, nhưng điều này không có nghĩa là các thị trường này luôn luôn ở trạng thái cân bằng. Các giá trị thống kê này là quan trọng trong phân tích kinh tế vĩ mô nhưng chỉ khi nó được giải thích trong khuôn khổ lý thuyết hợp lý.